

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2007/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành TCXDVN 391: 2007
“Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên”****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 01 Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam:

TCXDVN 391: 2007 “Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Liên**

TCXDVN 391: 2007

BÊ TÔNG -
YÊU CẦU BẢO DƯỠNG ẨM TỰ NHIÊN

Concrete -
Requirements for Natural Moist Curing

TCXDVN 391: 2007

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn TCXDVN 391: 2007 do Hội Công nghiệp Bê tông Việt Nam biên soạn, Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-BXD ngày 25 tháng 4 năm 2007.

Tiêu chuẩn này thay thế Tiêu chuẩn TCVN 5592: 1991 - Bê tông nặng - Yêu cầu bảo dưỡng âm tự nhiên.

TCXDVN 391: 2007

Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên
Concrete - Requirements for Natural Moist Curing

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu về bảo dưỡng ẩm tự nhiên, bằng cách phủ ẩm và tưới nước cho các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép trong sản xuất và thi công, chịu tác động trực tiếp của các yếu tố khí hậu Việt Nam.

2 Tài liệu viện dẫn

TCXD 191: 1996 - Bê tông và vật liệu bê tông - Thuật ngữ và định nghĩa;

TCXDVN 305: 2004 - Bê tông khối lớn - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

TCXDVN 302: 2004 - Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật.

3 Thuật ngữ - định nghĩa

- Bảo dưỡng ẩm tự nhiên: Quá trình giữ ẩm thường xuyên cho bê tông trong điều kiện tác động của các yếu tố khí hậu địa phương. Có thể thực hiện bảo dưỡng ẩm tự nhiên bằng cách tưới nước trực tiếp lên bề mặt bê tông, phủ vật liệu ẩm và tưới nước, phun sương, hoặc phủ các vật liệu cách nước lên mặt bê tông (xem TCXD 191: 1996).

- Cường độ bảo dưỡng tới hạn: Giá trị cường độ nén của bê tông tại thời điểm ngừng quá trình bảo dưỡng ẩm tự nhiên, ký hiệu là R_{BD}^h , đơn vị tính là % cường độ bê tông ở tuổi 28 ngày đêm, $\%R_{28}$ (xem TCXD 191: 1996).

- Thời gian bảo dưỡng cần thiết: Thời gian tính từ khi bắt đầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên cho tới khi bê tông đạt cường độ bảo dưỡng tới hạn, ký hiệu là T_{BD}^c , đơn vị tính là ngày đêm.

- Bảo dưỡng ban đầu: Quá trình giữ cho bê tông không bị bốc hơi nước vào không khí khi chưa thể tưới nước giữ ẩm trực tiếp lên mặt bê tông.

- Bảo dưỡng tiếp theo: Quá trình giữ ẩm để hạn chế bê tông bốc hơi nước vào không khí, tính từ khi bắt đầu tưới nước lên mặt bê tông tới khi ngừng quá trình bảo dưỡng ẩm tự nhiên.

- Bề mặt hở: Bề mặt kết cấu bê tông có thể bốc hơi nước vào không khí.

4 Quy định chung

4.1 Quá trình bảo dưỡng ẩm tự nhiên cần được tiến hành liên tục ngay sau khi

hoàn thiện bề mặt bê tông cho tới khi ngừng quá trình bảo dưỡng.

4.2 Hai thông số kỹ thuật sau đây đặc trưng đồng thời cho quá trình bảo dưỡng ẩm tự nhiên của bê tông:

- Cường độ bảo dưỡng tới hạn và
- Thời gian bảo dưỡng cần thiết.

Khi đánh giá về chế độ bảo dưỡng ẩm tự nhiên của bê tông cần phải đồng thời xem xét cả 2 thông số này. Trong đó thông số quyết định là R_{BD}^{th} , còn thông

số T_{BD}^{tr} được xác định dựa trên thông số R_{BD}^{th} tùy theo vùng khí hậu cụ thể.

5 Phân vùng khí hậu theo yêu cầu bảo dưỡng ẩm bê tông

Theo yêu cầu kỹ thuật bảo dưỡng ẩm tự nhiên của bê tông, lãnh thổ nước ta được phân thành 3 vùng khí hậu điển hình là A, B và C, với ranh giới địa lý, tên mùa và thời gian trong năm được nêu ở Bảng 1. Bản đồ phân vùng khí hậu theo yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên của bê tông được thể hiện ở Hình 1.

Bảng 1. Phân vùng khí hậu theo yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên của bê tông

| Vùng khí hậu bảo dưỡng ẩm bê tông | Vị trí địa lý | Tên mùa | Từ tháng đến hết tháng |
|-----------------------------------|--|--------------------|------------------------|
| Vùng A | Từ huyện Diên Châu trở ra | Mùa hè Mùa đông | IV - IX X - III |
| Vùng B | Phía Đông Trường Sơn từ Diên Châu đến Ninh Thuận | Mùa khô Mùa mưa | II - VII VIII - I |
| Vùng C | Phần còn lại, bao gồm Tây Nguyên và đồng bằng Nam Bộ | Mùa khô Mùa mưa | XII - IV V - XI |

6 Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên

6.1 Quá trình bảo dưỡng ẩm tự nhiên được phân thành 2 giai đoạn: Bảo dưỡng ban đầu và bảo dưỡng tiếp theo. Hai giai đoạn này liên tục kế tiếp nhau không có bước gián đoạn, kể từ khi hoàn thiện xong bề mặt bê tông cho tới khi đạt được cường độ bảo dưỡng tới hạn.

6.2 Giai đoạn bảo dưỡng ban đầu:

Trong giai đoạn này cần có biện pháp sao cho bê tông không bị bốc hơi nước dưới tác động của các yếu tố khí hậu địa phương (như nắng, gió, nhiệt độ và độ ẩm không khí). Đồng thời không để lực cơ học tác động lên bề mặt bê tông.

Tiến hành bảo dưỡng ban đầu như sau:

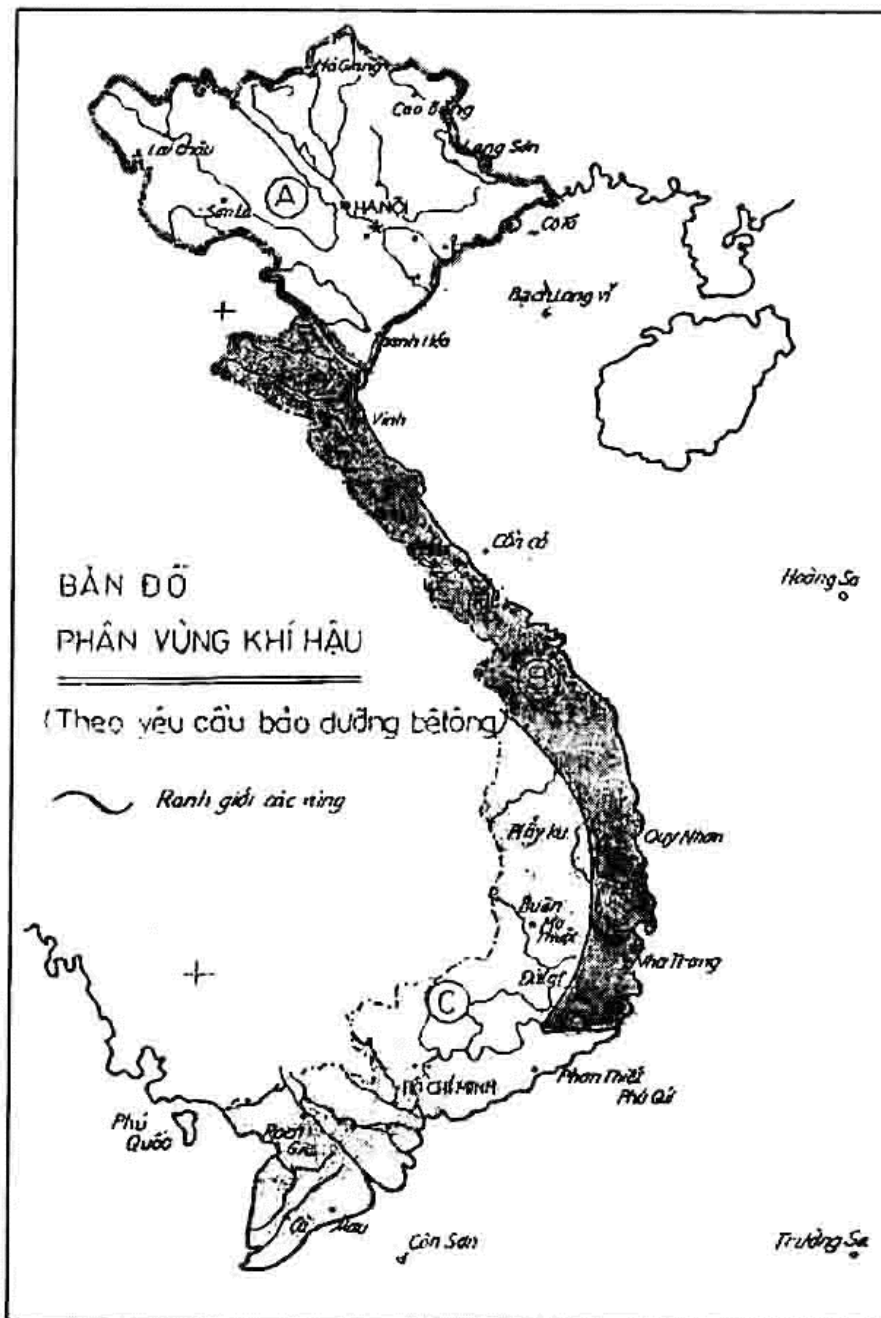
Bê tông sau khi tạo hình xong cần phủ ngay bề mặt hồ bằng các vật liệu đã được làm ẩm (là các vật liệu địa phương hoặc các vật thích hợp sẵn có). Lúc này không tác động lực cơ học và không tưới nước trực tiếp lên mặt bê tông để tránh cho bê tông bị hư hại bề mặt. Khi cần thì có thể tưới nhẹ nước lên mặt vật liệu phủ ẩm. Cũng có thể phủ mặt bê tông bằng các vật liệu cách nước như nilon, vải bạt, hoặc phun chất tạo màng ngăn nước bốc hơi. Khi dùng chất tạo màng trên bề mặt bê tông thì

việc tiến hành phun được thực hiện theo chỉ dẫn của nhà sản xuất chất tạo màng. Cũng có thể dùng thiết bị phun sương để phun nước thành sương trực tiếp lên mặt bê tông mà không cần phủ mặt bê tông.

Việc phủ ẩm bề mặt bê tông trong giai đoạn bảo dưỡng ban đầu là nhất thiết phải có khi thi công trong điều kiện bị mất nước nhanh (như gặp trời nắng gắt, khí hậu nóng khô, khí hậu có gió Lào). Các trường hợp khác có thể không phủ mặt bê tông, nhưng phải theo dõi để đảm bảo hạn chế bê tông bị mất nước, tránh nứt mặt bê tông.

Việc giữ ẩm bê tông trong giai đoạn bảo dưỡng ban đầu kéo dài cho tới thời điểm bê tông đạt được một giá trị cường độ nén nhất định, đảm bảo có thể tưới nước trực tiếp lên mặt bê tông mà không gây hư hại. Thời gian để đạt cường độ này vào mùa hè ở Vùng A và các mùa ở Vùng B và C là khoảng 2.5 ÷ 5h; vào mùa Đông ở Vùng A là khoảng 5 - 8h đóng rắn của bê tông tùy theo tính chất của bê tông và đặc điểm của thời tiết.

Tại hiện trường có thể xác định thời điểm này bằng cách tưới thử nước lên mặt bê tông, nếu thấy bề mặt bê tông không bị hư hại là được. Khi đó bắt đầu giai đoạn bảo dưỡng tiếp theo.



Hình 1. Bản đồ phân vùng khí hậu theo yêu cầu bảo dưỡng ẩm bê tông

6.3 Giai đoạn bảo dưỡng tiếp theo: Tiến hành kế tiếp ngay sau giai đoạn bảo dưỡng ban đầu. Đây là giai đoạn cần tưới nước giữ ẩm liên tục mọi bề mặt hở của bê tông cho tới khi ngừng quá trình bảo dưỡng.

6.3.1 Đối với bê tông dùng xi măng

Pooclăng và xi măng Pooclăng hỗn hợp: Cần thường xuyên tưới nước giữ ẩm cho mọi bề mặt hở của kết cấu bê tông cho tới khi bê tông đạt giá trị cường độ bảo dưỡng tới hạn R_{BD}^{th} và thời gian bảo dưỡng cần thiết T_{BD}^{ci} như sau:

a) Đối với bê tông nặng thông thường, bê tông mác cao, bê tông chống thấm, bê tông tự lèn: Không dưới mức quy định ở Bảng 2, tùy theo Vùng và Mùa khí hậu;

b) Đối với bê tông cốt liệu nhẹ, bê tông cốt sợi phân tán: Thời gian bảo dưỡng cần thiết giảm hơn 1 ngày đêm so với giá trị ở Bảng 2. Riêng mùa mưa ở Vùng B và C không dưới số ngày đêm ở Bảng 2;

c) Đối với bê tông bọt và bê tông khí: Thời gian bảo dưỡng cần thiết tăng thêm 1 ngày so với mức quy định ở Bảng 2;

d) Đối với bê tông của kết cấu sẽ chịu tác động thường xuyên của hóa chất, bê tông của kết cấu xây dựng ở vùng ven biển trong phạm vi 1km tính từ mép nước và bê tông ở hải đảo: Nếu không có quy định riêng của thiết kế thì thời gian bảo

dưỡng cần thiết lấy tăng thêm 1 ngày so với mức quy định ở Bảng 2.

e) Đối với bê tông khối lớn:

- Bê tông các kết cấu khối lớn của các công trình công nghiệp và dân dụng (như móng silô, móng ống khói, móng máy, tường và vòm hầm, tường chắn đất vv...). Ngoài các yêu cầu của thiết kế, thời gian bảo dưỡng cần thiết là không dưới 7 ngày đêm, không phân biệt Vùng và Mùa khí hậu. Biện pháp tưới nước và biện pháp thoát nhiệt cho bê tông khối lớn trong giai đoạn bảo dưỡng tiếp theo cần thực hiện theo hướng dẫn của TCXDVN 305: 2004.

- Bê tông các đập lớn: Thực hiện theo yêu cầu của thiết kế hoặc theo biện pháp thi công đã được phê duyệt.

Bảng 2. Mức giá trị cường độ bảo dưỡng tới hạn R_{BD}^{th} và Thời gian bảo dưỡng cần thiết T_{BD}^{ci} cho bê tông nặng thông thường

| Vùng khí hậu bảo dưỡng ẩm bê tông | Tên mùa | Từ tháng đến hết tháng | Mức giá trị quy định không dưới | |
|-----------------------------------|----------|------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| | | | R_{BD}^{th} , % R_{28} | T_{BD}^{ci} , ngày đêm |
| Vùng A | Mùa hè | IV- IX | 50 - 55 | 3 |
| | Mùa đông | X - III | 40 - 50 | 4 |
| Vùng B | Mùa khô | II - VII | 55 - 60 | 4 |
| | Mùa mưa | VIII - I | 35 - 40 | 2 |
| Vùng C | Mùa khô | XII - IV | 70 | 6 |
| | Mùa mưa | V - XI | 30 | 1 |

f) Đối với bê tông đầm lăn:

• Bê tông đầm lăn dùng cho mặt đường hoặc sân bãi: Thời gian bảo dưỡng cần thiết không dưới mức quy định ở Bảng 2.

• Bê tông đầm lăn cho đập lớn: Thực hiện theo yêu cầu của thiết kế hoặc theo biện pháp thi công đã được phê duyệt. Có thể dùng thiết bị phun nước thành sương lên mặt bê tông ngay sau khi đầm lèn mỗi lớp. Việc phun sương được tiến hành cuốn chiếu lên theo các lớp đổ. Khi ngừng thi công thì lớp đổ cuối cùng được tưới nước bảo dưỡng không ít hơn 7 ngày đêm.

6.3.2 Đối với bê tông dùng xi măng Poocăng xi và Poocăng Puzolan: Thời gian bảo dưỡng ẩm tăng thêm 1 ngày đêm so với quy định ở Bảng 2.

6.3.3 Đối với bê tông dùng xi măng đóng rắn chậm, hoặc dùng phụ gia chậm ninh kết: Thời gian bảo dưỡng cần thiết tăng thêm 1 ngày đêm so với quy định trong Bảng 2.

6.3.4 Đối với bê tông dùng xi măng đóng rắn nhanh, hoặc dùng phụ gia tăng nhanh đóng rắn: Thực hiện theo Điều 6.3.1.b).

6.4 Trong giai đoạn bảo dưỡng tiếp theo có thể phủ ẩm hoặc không phủ ẩm bề mặt bê tông. Đối với vùng có khí hậu nóng khô hoặc có gió Lào thì việc phủ ẩm sẽ có tác dụng để giảm số lần tưới nước trong ngày và hạn chế nứt mặt bê tông.

Số lần tưới nước trong một ngày tùy thuộc vào môi trường khí hậu địa phương, sao cho bề mặt bê tông luôn được ẩm ướt. Việc tưới nước giữ ẩm cần được duy trì cả ban ngày lẫn ban đêm để đảm bảo cho bề mặt bê tông luôn được giữ ẩm, tránh bị nứt khô trong đêm.

Trong giai đoạn bảo dưỡng tiếp theo có thể thực hiện ngâm nước trên mặt bê tông thay cho tưới nước giữ ẩm.

6.5 Nước dùng để tưới giữ ẩm bề mặt bê tông nên thỏa mãn yêu cầu của Tiêu chuẩn TCXDVN 302: 2004. Cũng có thể dùng nước sông, nước hồ ao không có tạp chất gây hại cho bê tông để bảo dưỡng ẩm bê tông.

6.6 Khi sản xuất các sản phẩm bê tông hoặc thi công công trình bê tông có sử dụng các giải pháp kỹ thuật để tăng nhanh đóng rắn bê tông nhằm sớm tháo cốp pha (như hấp hơi nước, hấp bằng năng lượng mặt trời, hấp bằng điện vv...) thì quá trình bảo dưỡng tiếp theo cần được thực hiện cho tới khi bê tông đạt cường độ bảo dưỡng tới hạn theo Điều 6.3. Khi tháo cốp pha mà bê tông đã đạt cường độ bảo dưỡng tới hạn thì không cần bảo dưỡng ẩm tiếp nữa. Nếu chưa đạt cường độ bảo dưỡng tới hạn thì phải tiếp tục tưới nước bảo dưỡng ẩm cho tới khi bê tông đạt được cường độ bảo dưỡng tới hạn theo quy định.